

GIÁO ÁN NGỮ VĂN 7 – HỌC KÌ II
BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỀ TRƯỞNG THÀNH

(13 tiết)

"Đi một ngày đàng học một sàng khôn"

(Tục ngữ)

A. NỘI DUNG BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Đọc:

***Đọc - hiểu các văn bản:**

+ VB1: *Bản đồ dẫn đường* (Da-ni-en Gôt-li-ép).

+ VB2: *Hãy cầm lấy và đọc* (Huỳnh Như Phương).

+ VB3: *Nói với con* (Y Phương).

***Thực hành đọc:** *Câu chuyện về con đường* (Đoàn Công Lê Huy).

2. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối).

3. Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.

4. Củng cố, mở rộng.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 13 tiết – KHGD

Đọc và thực hành tiếng Việt	9 tiết
Viết	3 tiết
Nói và nghe	1 tiết

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực đặc thù	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.
Năng lực chung	<ul style="list-style-type: none">- Năng lực tự chủ: Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn

khác nhau.

- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

II. PHẨM CHẤT

- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.
- Thiết kế bài giảng điện tử.
- Phương tiện và học liệu:
 - + Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...
 - + Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.
 - + Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

2. Học sinh

- Đọc phần Kiến thức Ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc - hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Đọc, Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

*GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: **Nhìn tranh đoán tên hoạt động.**

+ *Mỗi bức ảnh sau đây nói về hoạt động nào?*



*Gv nêu câu hỏi cho HS chia sẻ ra giấy, sau đó đọc hoặc gọi một số em lên trình bày:

1) Kể tên một hoạt động tập thể mà em đã từng tham gia? Hoạt động đó để lại cho em bài học hay ấn tượng gì?

2) Em hiểu thế nào là trải nghiệm? Những trải nghiệm như thế thường diễn ra ở môi trường nào, chúng mang lại lợi ích gì cho bản thân em?

- HS tự bộc lộ, tự chia sẻ những trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích.

- GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

- GV gọi HS khác cùng chia sẻ; GV đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài học mới: *Trên đây là những hình ảnh sinh hoạt tập thể của các bạn học sinh như trồng cây để gần gũi, yêu quý thiên nhiên, sống tự giác, tự lập nội trú ở trường của các bạn HS vùng cao, chủ động trong học tập, sinh hoạt, nấu cơm, rửa bát để biết sống chia sẻ yêu thương... Như vậy, sống bằng trải nghiệm sẽ đem lại hiểu biết và kinh nghiệm thực tế hết sức sâu sắc giúp chúng ta mau chóng trưởng thành về cách nghĩ, cách sống các em ạ. Trước hết, chúng ta cùng tìm hiểu phần giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trọng tâm của bài.*

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học

Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Giới thiệu bài học	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> (SGK/tr.54) và cho biết:</p> <p>1) Hãy xác định chủ đề và thể loại chính được học trong bài 8 này là gì?</p> <p>2) Kể tên những văn bản đọc chính và VB kết nối chủ đề.</p> <p>3) Các VB đọc chủ yếu thuộc thể loại gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi của GV.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.</p> <p>- GV dẫn dắt giới thiệu vào phần khám phá tri thức ngữ văn của bài học.</p>	<p>- Chủ đề bài học: Vai trò của trải nghiệm đối với sự trưởng thành của mỗi người trong cuộc sống.</p> <p>- Thể loại: Nghị luận.</p> <p>- VB đọc chính:</p> <p>+ VB1: <i>Bản đồ dẫn đường</i> (Da-ni-en Gôt-li-ép)</p> <p>+ VB2: <i>Hãy cầm lấy và đọc</i> (Huỳnh Như Phương)</p> <p>- VB đọc kết nối chủ đề: VB3: <i>Nói với con</i> (Y Phương).</p> <p>- VB thực hành đọc: VB4: <i>Câu chuyện về con đường</i> (Đoàn Công Lê Huy).</p>

Hoạt động 2.2. Khám phá tri thức Ngữ văn

Mục tiêu: Nắm được những kiến thức cơ bản về VB nghị luận.

PHIẾU HỌC TẬP 01 TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN (Chuẩn bị ở nhà)

Tìm hiểu	Khái niệm	Yêu cầu	Vai trò
----------	-----------	---------	---------

<i>Văn bản nghị luận:</i>
<i>Ý kiến:</i>
<i>Lí lẽ:</i>
<i>Bằng chứng:</i>
<i>Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:</i>

*Gợi ý đáp án Phiếu HT số 1

Tìm hiểu	Khái niệm	Yêu cầu	Vai trò
<i>Văn bản nghị luận:</i>	Là loại VB chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học....	VB nghị luận có giá trị phải chọn được vấn đề đáng quan tâm, có ý nghĩa với nhiều người.	Tăng cường nhận thức của con người trước các vấn đề của đời sống.
<i>Ý kiến:</i>	Là bày tỏ quan điểm, nhận xét, đánh giá về vấn đề.	Cần đúng đắn, mới mẻ.	Giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề.
<i>Lí lẽ:</i>	Là những lời diễn giải có lí mà người viết đưa ra.	Cần sắc bén.	Để khẳng định, làm rõ cho ý kiến.
<i>Bằng chứng:</i>	Là những ví dụ (con người, sự kiện, sự việc) được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ sách báo.	Cần xác thực, tiêu biểu.	Củng cố cho lí lẽ.
<i>Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:</i>	Mỗi lí lẽ được củng cố bởi một số bằng chứng.		Tạo thành một hệ thống chặt chẽ nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá tri thức ngữ văn	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV yêu cầu HS nhớ lại một số khái niệm cơ bản đã học ở Bài 8. <i>Khác biệt và gần gũi</i>, sách <i>Ngữ văn 6</i>, tập 2, tr.53 đọc thầm phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và trình bày các thông tin đã chuẩn bị trong Phiếu học tập 01.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tái hiện lại kiến thức vào Phiếu HT, chia sẻ. - GV quan sát, hỗ trợ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lên trình bày kết quả, chia sẻ hiểu biết bản thân. - Các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.</p>	Phiếu HT số 1

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Mục tiêu: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

***GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Rung chuông vàng”:**

Bài tập luyện tập. Chọn đáp án đúng

Câu 1. Dòng nào nêu đúng về văn bản nghị luận?

- A. Là loại văn bản sử dụng các chi tiết tưởng tượng, không có cơ sở.
- B. Là loại văn bản miêu tả những viễn cảnh tương lai dựa trên những căn cứ khoa học.
- C. Là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.
- D. Là loại văn bản sử dụng những chi tiết được tạo dựng bởi trí tưởng tượng.

Câu 2. Vấn đề chủ yếu được bàn luận trong văn bản nghị luận là:

- A. Vấn đề khoa học vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương.
- B. Vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học....
- C. Vấn đề đời sống, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất.
- D. Vấn đề thuộc về thế giới huyền bí, hấp dẫn, không có thực.

Câu 3. Mục đích chính của văn bản nghị luận là:

- A. để tuyên truyền đến người đọc (người nghe).
- B. mang lại xúc cảm cho người đọc (người nghe).
- C. giúp người đọc (người nghe) để hình dung sự vật.
- D. để thuyết phục người đọc (người nghe).

Câu 4. Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận cần đảm bảo yêu cầu chủ yếu nào?

- A. Đúng đắn, mới mẻ, sắc bén, xác thực và tiêu biểu.
- B. Khả năng phân tích lô-gic của các sự việc.
- C. Thể hiện trí tưởng tượng phong phú, bay bổng.
- D. Sáng tạo, gợi hình ảnh, giàu cảm xúc.

Câu 5. Lí lẽ và bằng chứng cần:

- A. Mô tả đúng con người và sự việc để người đọc dễ hình dung.
- B. Liên kết với nhau chặt chẽ, tạo thành một hệ thống làm sáng tỏ cho ý kiến.
- C. Luôn sáng tạo mới mẻ, không được sao chép.
- D. Lấy từ thực tiễn cuộc sống thì mới khách quan.

(*Gợi ý đáp án: 1C; 2B; 3D; 4A; 5B)

***Bài tập vận dụng:**

Chọn một bức tranh tâm đắc và ghi ra giấy 2 ý kiến của em về nội dung bức tranh ấy.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Nghiên cứu các VB nghị luận trong SGK

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết:

VĂN BẢN 1. BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG

Da-ni-en Gôt-li-ép



I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù:

- HS cần theo dõi cách diễn giải của tác giả về ý nghĩa của hình ảnh “bản đồ dẫn đường” để nhận thức được rằng: *Trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.*
- HS hiểu được đặc điểm của một VB nghị luận, các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong bài.

1.2. Năng lực chung:

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.
- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc theo dõi bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.

2. Phẩm chất

- Biết sống có trách nhiệm với bản thân trong việc lựa chọn con đường đi cho riêng mình.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.
- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

Mục tiêu: Tạo hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của bản thân; kết nối trải nghiệm cuộc sống của HS với nội dung đặt ra trong VB.

*GV cho HS quan sát các bức tranh và trả lời câu hỏi:

1) Quan sát ảnh 1 và 2: Vì sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?



2) Quan sát ảnh 3 và 4: "Con đường" được vẽ trên bản đồ là con đường ta vẫn đi trên mặt đất hằng ngày (chỉ lối đi được tạo ra để nối hai nơi, hai địa điểm), ngoài ra "con đường" còn có nghĩa nào khác nữa không?

3) Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một "con đường" hay đã có "con đường" do ai đó vạch sẵn?



***Gợi ý:**

1) Khi lần đầu tiên có mặt ở một miền đất lạ, tấm bản đồ có tác dụng chỉ đường, giúp ta đến được nơi cần đến, tránh lạc đường. Hiện nay, nhờ ứng dụng công nghệ, chúng ta có thể tìm đường đi trên Google map - một ứng dụng tìm địa chỉ trên điện thoại thông minh vô cùng tiện lợi.

2) "Con đường" còn có nghĩa khác là để chỉ sự lựa chọn cách nghĩ, cách sống, cách hành động; lựa chọn tương lai của bản thân.

3) Đến tương lai, mỗi người có thể tự tìm cho mình một "con đường", cũng có thể có "con đường" do ai đó vạch sẵn nếu đó là "con đường" mà ta thấy phù hợp với bản thân mình.

*HS hoạt động cá nhân, dựa vào hiểu biết bản thân để bày tỏ hiểu biết.

*Yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.

*GV có thể chia sẻ cùng HS suy nghĩ của bản thân mình, kết nối với bài học: Các em ạ, cuộc sống chứa đựng rất nhiều điều thú vị nhưng cũng đầy chông gai thử thách. Muốn vượt qua được những chông gai thử thách ấy đòi hỏi con người phải có đủ sức mạnh và bản lĩnh, trong đó, sự lựa chọn cho mình một tấm bản đồ để dẫn mình đi đúng đường là một điều vô cùng ý nghĩa. Văn bản "Bản đồ dẫn

đường" sẽ chia sẻ với chúng ta một quan điểm, một góc nhìn, một bài học thông điệp, một gợi ý sâu sắc.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Khám phá chung về văn bản

Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả, xuất xứ, kiểu văn bản, phương thức biểu đạt, hình thức và bố cục,...

PHIẾU HỌC TẬP 02 Khám phá chung về văn bản (Phiếu học tập giao về nhà)

STT	Thông tin	Trả lời
1	Tác giả:	...
2	Xuất xứ:	...
3	Kiểu văn bản:	...
4	Phương thức biểu đạt:	...
5	Hình thức:	...
6	Vấn đề nghị luận:	...
7	Bố cục và nội dung chính từng phần:	...

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Khám phá chung văn bản	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả: Chia nhóm cặp đôi (theo bàn), yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà và đối chiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ Phiếu học tập số 2, giao về nhà. <i>?Trình bày những nét cơ bản về tác giả Đa-ni-en Gôt-li-ép.</i></p> <p>*GV hướng dẫn đọc và tìm hiểu chung VB:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn đọc to, rõ ràng và lưu loát, mỗi HS sẽ thay nhau đọc từng phần; chú ý giọng đọc phù hợp với tính chất tự sự, biểu cảm hay nghị luận của từng đoạn. Cho HS trình bày theo <i>Phiếu học tập số 2</i>, đã chuẩn bị ở nhà. <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> HS trả lời nhanh. 	<p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> Đa-ni-en Gôt-li-ép sinh năm 1946, người Mỹ. Là nhà tâm lý học thực hành, bác sĩ điều trị tâm lý gia đình đồng thời là chuyên gia sức khỏe tâm thần. Tác phẩm tiêu biểu: <i>Tiếng nói của xung đột</i> (2001), <i>Những bức thư gửi cháu Sam</i> (2006), <i>Tiếng nói trong gia đình</i> (2007); <i>Học từ trái tim</i> (2006). <p>2. Tác phẩm</p> <p>2.1. Đọc và tìm hiểu chú thích</p> <p>2.2. Xuất xứ: Trích từ cuốn sách <i>Những bức thư gửi cháu Sam</i> (2008),</p> <p>2.3. Kiểu văn bản: Văn bản nghị luận.</p> <p>2.4. Phương thức biểu đạt: Nghị luận.</p> <p>2.5. Hình thức: Bức thư (ông gửi cháu).</p> <p>2.6. Vấn đề nghị luận: Vai trò, tầm quan trọng của "tâm bản đồ" và việc lựa chọn quan điểm đúng đắn trong cuộc sống.</p> <p>2.7. Bố cục và nội dung chính: 3 phần</p> <ul style="list-style-type: none"> Phần (1): Từ đầu cho đến "...chúng ta cần phải bước vào bóng tối": Nêu vấn đề cần suy nghĩ phán đoán, đánh giá và đưa ra bản đồ sao cho phù hợp nhất. Phần (2): Tiếp theo đến "ý nghĩa của cuộc sống là gì": Bàn luận về vai trò, ý nghĩa của "tâm bản

Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - GV chuyển dẫn sang mục 2.	đồ" đối với đường đời của mỗi con người. - Phần (3): phần còn lại: Đưa ra lời khuyên và bài học trong việc lựa chọn "tấm bản đồ" cho mình.
--	---

Hoạt động 2.2: Khám phá chi tiết văn bản

Mục tiêu: Giúp HS nhận biết ý kiến, lí lẽ và bằng chứng, chỉ ra mối liên hệ giữa chúng và rút ra bài học cho bản thân.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Tấm bản đồ	*Ý kiến 1:.....	+ <i>Lí lẽ</i> :
		+ <i>Bằng chứng</i> :
	*Ý kiến 2:.....	+ <i>Lí lẽ</i> :
		+ <i>Bằng chứng</i> :

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
II. Khám phá chi tiết văn bản	
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV sử dụng phương pháp đàm thoại, tổ chức, hướng dẫn HS đọc lại đoạn 1, trả lời các câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Tác giả muốn giới thiệu vấn đề gì? 2) Cách giới thiệu vấn đề của tác giả có gì đặc biệt? 3) Trong câu chuyện kể, em thấy hành động tìm chìa khoá của người đàn ông kì khôi như thế nào? 4) Câu chuyện hàm chứa ý nghĩa gì? Tính chất ngụ ngôn của câu chuyện có phù hợp với vấn đề nghị luận không? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ và lần lượt trả lời.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- HS báo cáo sản phẩm.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <p>- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.</p> <p>- Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2.</p>	<p>1. Mở đầu: Nêu vấn đề bàn luận</p> <p>- Vấn đề bàn luận: Cần suy nghĩ lựa chọn đúng con đường thì mới đạt được mục đích.</p> <p>- Cách giới thiệu: Giới thiệu gián tiếp qua một câu chuyện ngụ ngôn.</p> <p>- Tác dụng: Tạo sự hấp dẫn, gây sự chú ý của người đọc.</p>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>*Nhiệm vụ 1: GV cho HS đọc thầm phần 2, chia nhóm cặp đôi, phát Phiếu học tập số 3 và giao nhiệm vụ cho các nhóm, yêu cầu HS trả lời câu hỏi vào phiếu HT.</p> <p>*GV nêu câu hỏi gợi ý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1) Hình ảnh "tấm bản đồ" mang ý nghĩa ẩn dụ. Tìm câu văn thể hiện ý kiến mang tính lí giải của tác giả. 2) Để thuyết phục được người đọc về ý kiến của mình, tác giả đã đưa ra những lí lẽ và 	<p>2. Triển khai vấn đề bàn luận: Nêu ý kiến để thuyết phục</p> <p style="text-align: center;">Phiếu học tập số 3</p> <p>*Ý kiến 1: Tấm bản đồ là cách nhìn về cuộc đời, con người:</p> <p>+ Lí lẽ: Cách nhìn nhận về cuộc đời và con người tất yếu sẽ hình thành ở mỗi chúng ta, được truyền từ bố mẹ, được điều chỉnh theo hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay kinh nghiệm bản thân. Nếu có hai cách nhìn cuộc đời và con</p>

bằng chứng nào?

***Nhiệm vụ 2: GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm câu hỏi sau:**

Câu hỏi 1: *Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bé tắc - "ông" đã tâm sự với "cháu" như vậy. Theo em, vì sao "ông" bé tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đồ của riêng mình? Kinh nghiệm ấy của "ông" có thể giúp "cháu" rút ra được bài học gì?*

Câu hỏi 2: Trong hai ý kiến khác nhau sau đây, em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?

a. *Cuộc sống chỉ toàn những chuỗi lo âu, đau khổ, còn niềm vui thì hiếm hoi và dễ dàng vụt mất như cánh chim trời!*

b. *Cuộc sống là một món quà quý mà chúng ta phải trân trọng.*

- **GV nêu gợi ý:** Việc tán thành hay phản đối với từng ý kiến hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức, lựa chọn của các em. Vấn đề là mỗi ý kiến em đưa ra đều phải kèm theo lí lẽ sắc bén và bằng chứng xác thực. Các em có thể suy nghĩ theo những gợi ý sau: *Có phải cuộc sống chỉ toàn lo âu, đau khổ? Có phải cuộc sống thực sự là một món quà quý? Hai cách nhìn đó khác nhau như thế nào? Có loại trừ nhau không? Điều gì dẫn đến sự khác biệt ở hai cách nhìn cuộc sống như vậy? Liệu có thể có một cách nhìn trung gian giữa hai cách nhìn kia?*

- GV để cho HS tự do phát biểu ý kiến, thảo luận, trao đổi để rút ra kết luận.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.

- Gv quan sát, gợi ý, hỗ trợ.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS của đại diện trình bày sản phẩm.

- GV dùng máy chiếu trình chiếu một phiếu đã được chuẩn bị, các em so sánh để tự đánh giá kết quả tìm thông tin của mình.

Bước 4: Đánh giá kết luận

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và chuyển sang mục 3.

người không giống nhau (một cách nhìn tin tưởng, lạc quan; một cách nhìn thiếu tin tưởng, bi quan) tất yếu sẽ dẫn đến hai sự lựa chọn khác nhau về đường đời.

+ Bằng chứng: Câu chuyện về sự khác nhau trong cách nhìn đời của mẹ “ông” và của bản thân “ông” dẫn đến hai quan điểm sống khác nhau.

***Ý kiến 2: Tấm bản đồ là cách nhìn nhận về bản thân:**

+ Lí lẽ: Đoạn văn đặt ra hàng loạt câu hỏi để triển khai ý “nhìn nhận về bản thân”: *Tôi có phải là người đáng yêu? Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương? Khi gặp khó khăn, tôi sẽ gục ngã, hay chiến đấu một cách ngoan cường?* Người viết lí giải: *Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.*

+ Bằng chứng: Câu chuyện về chính cuộc đời ông. =>**Bài học thuyết phục:**

- Mình có thể nhận được từ người thân những tình cảm cao quý, sự quan tâm, nhưng tấm bản đồ của riêng mình thì không nên lệ thuộc.

- Sự tự nhận thức về cuộc đời, quan điểm, tình cảm của mình mới là yếu tố quyết định.

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ thảo luận và trả lời: 1) Trong lời khuyên, “ông” muốn “cháu” phải làm những điều gì? 2) Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào? 3) Chúng ta có cần phải thực hiện những điều “ông” muốn Sam làm không? Vì sao? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi HS tự rút ra bài học cho bản thân trên cơ sở suy nghĩ về lời khuyên “ông” dành cho “cháu” trong VB, và phát biểu để các bạn nhận xét, thảo luận. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS báo cáo sản phẩm của nhóm mình. Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm. - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. 	<p>3. Kết thúc vấn đề bàn luận: Đưa ra lời khuyên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong lời khuyên, “ông” muốn “cháu” thực hiện hai điều: + Thứ nhất, phải tìm kiếm bản đồ cho chính mình; + Thứ hai, tấm bản đồ đó “cháu” phải tự vẽ bằng chính kinh nghiệm của mình. - Việc làm của “cháu” sẽ giúp “cháu” biết tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình. - Các bạn trẻ đều cần tìm kiếm cho mình tấm bản đồ, vì trên đời, mỗi người sẽ có một hành trình riêng.
<p>III. Tổng kết</p>	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: 1) Nêu những đặc sắc trong nghệ thuật lập luận của tác giả trong văn bản. 2) Nội dung chính và ý nghĩa của văn bản. 3) Sau khi học xong văn bản, em rút ra bài học gì về cách đọc văn bản nghị luận? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, trả lời. - GV quan sát, hỗ trợ. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời. - HS khác lắng nghe, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại. 	<p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn hình thức lá thư kết hợp câu chuyện ngụ ngôn hấp dẫn, dễ tiếp thu vào đề. - Giọng điệu tâm tình, chia sẻ. - Sử dụng nhiều câu hỏi tu từ tạo sự đối thoại gần gũi. - Ý kiến rõ ràng, lí lẽ sắc sảo, dẫn chứng chân thực, thuyết phục. - Kết hợp tự sự, biểu cảm với nghị luận. <p>2. Nội dung – Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong cuộc sống, tấm bản đồ có vai trò rất quan trọng, cần lựa chọn đúng tấm bản đồ cho mình để không bị "lạc đường". - Tác giả khuyên nhủ: Muốn trưởng thành, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, kể cả thành công và thất bại, không thể bắt chước, vay mượn kinh nghiệm sống của bất kì ai khác.

	<p>3. Cách đọc hiểu văn bản nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc kĩ tên nhan đề để xác định vấn đề được bàn luận. - Đọc các tiêu đề, các câu đứng đầu hoặc cuối mỗi đoạn. - Tóm tắt nội dung chính dựa trên hệ thống luận điểm. - Nhận biết, phân tích các lí lẽ, bằng chứng. - Phân tích được ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra tư tưởng bài học mà tác giả gửi gắm trong văn bản. - Rút ra được bài học, liên hệ với bản thân.
--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Mục tiêu: Giúp HS củng cố nội dung của VB qua việc phân biệt ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để tìm câu trả lời.

***Bài tập:** Đánh dấu (X) vào ô thích hợp với mỗi câu văn cho dưới bảng sau:

Câu văn	Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng
1) Tôi có phải là người đáng yêu?...Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.
2) Tấm bản đồ dẫn đường là cách nhìn về cuộc đời này, bao gồm cả cách nhìn về con người.
3) Thường thì cách nhìn này được truyền từ bố mẹ cho chúng ta, rồi qua năm tháng, được điều chỉnh theo từng hoàn cảnh sống,
4) Mỗi khi ông và mẹ ông trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ để thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: "Cứ chờ mà xem!".
5) Tấm bản đồ này còn bao gồm cả cách nhìn nhận về bản thân chúng ta nữa.
6) Nằm trên giường tĩnh tâm một thời gian dài, ông đã được rất nhiều người đến thăm. Ông bắt đầu đi vào bóng tối để tìm hiểu xem mình là ai và ý nghĩa của cuộc sống là gì.

***Gợi ý đáp án:**

Câu văn	Ý kiến	Lí lẽ	Bằng chứng
1) Tôi có phải là người đáng yêu?...Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.		X	

2) <i>Tám bản đồ dẫn đường là cách nhìn về cuộc đời này, bao gồm cả cách nhìn về con người.</i>	X		
3) <i>Thường thì cách nhìn này được truyền từ bố mẹ cho chúng ta, rồi qua năm tháng, được điều chỉnh theo từng hoàn cảnh sống,....</i>		X	
4) <i>Mỗi khi ông và mẹ ông trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ dễ thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: "Cứ chờ mà xem!".</i>			X
5) <i>Tám bản đồ này còn bao gồm cả cách nhìn nhận về bản thân chúng ta nữa.</i>	X		
6) <i>Nằm trên giường tĩnh tâm một thời gian dài, ông đã được rất nhiều người đến thăm. Ông bắt đầu đi vào bóng tối để tìm hiểu xem mình là ai và ý nghĩa của cuộc sống là gì.</i>			X

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày, HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học trình bày ý kiến cá nhân.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

*GV hướng dẫn HS vận dụng những hiểu biết thu nhận được từ việc đọc VB để thực hiện viết đoạn văn trong khoảng 10-12 phút.

***VIẾT KẾT NỐI ĐỌC:** Trên "con đường" đi tới tương lai của bản thân, "tám bản đồ" có vai trò như thế nào? Hãy trả lời câu hỏi trên đây bằng một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu).

***Gợi ý:**

- **Về hình thức:** Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp. Hạn chế các lỗi về chính tả, diễn đạt.

- **Về nội dung:** Làm rõ được trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một "tám bản đồ"; "tám bản đồ" giúp con người chủ động, tự tin vào hướng đi mình lựa chọn; nó có thể giúp con người vượt qua những khó khăn thử thách trên từng bước đường đời...

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện yêu cầu. GV quan sát, hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Một số HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn theo bảng kiểm.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Trên "con đường" đi tới tương lai của bản thân, "tấm bản đồ" có vai trò vô cùng quan trọng trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, giúp ta tránh bị lầm đường lạc lối. "Tấm bản đồ" ở đây chính là cách chúng ta nhìn nhận cuộc sống, nhìn nhận mọi người và chính bản thân mình. Nếu ta có một "tấm bản đồ" cho rằng cuộc sống là những lo âu, bấp bênh, nguy hiểm. Thái độ của chúng ta sẽ là sợ hãi, đề phòng. Nếu ta có một "tấm bản đồ" cho rằng cuộc sống này tuyệt đẹp, là một món quà đáng trân trọng, chúng ta sẽ có thái độ sống tích cực. Thường, con người sẽ cảm thấy hạnh phúc khi có những suy nghĩ, thái độ tích cực. Tuy nhiên, "tấm bản đồ" ở đây phải là tấm bản đồ do mỗi người tự tạo ra cho mình, nó là riêng, là duy nhất. Bởi, ta không sống cuộc đời của ai khác mà phải sống cuộc đời của chính mình.

Bảng kiểm

Đánh giá kỹ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề yêu cầu.		
3	Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Hoàn thiện các đơn vị kiến thức và nhiệm vụ của bài học.
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu bài thực hành tiếng Việt: *Biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết*.